TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PT** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 94/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 21-3-2018
V/v tranh chấp "Hôn nhân và gia đình - Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PT, TỈNH AN GIANG

***- Thẩm phán – Chủ tọa Pên tòa*:** Ông Lê Hữu Nghĩa.

- Thư ký Pên tòa: Ông Nguyễn Quốc Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang.

Ngày 21 tháng 3 năm 2018, tại Tòa án nhân dân huyện PT xét xử theo thủ tục rút gọn sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 53/2018/TLST-HNGĐ ngày 27/02/2018 về tranh chấp *"Hôn nhân và gia đình – Ly hôn"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 07 tháng 03 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị B, sinh năm 1980. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp PT, xã PX, huyện PT, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn:* Anh Dương Văn T, sinh năm 1975. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp PT, xã PX, huyện PT, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 22/02/2018 nguyên đơn là chị Lê Thị B trình bày:

Vào ngày 25/11/1997, chị và anh Dương Văn T được sự đồng ý của hai bên gia đình nên tổ chức lễ cưới, chung sống với nhau như vợ chồng đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống có hạnh phúc đến năm 2013 thì xảy ra mâu thuẫn, anh T ăn chơi, không lo lắng gì đến vợ con, bên cạnh đó anh T còn nhiều lần đánh đập, hành hạ chị. Đến đầu năm 2016, nhận thấy không thể nào chung sống với nhau được nữa nên chị đã bỏ đi kể từ đó chính thức ly thân cho đến nay.

Về con chung: Quá trình chung sống như vợ chồng chị với anh T có 01 con chung tên Dương Hoàng P, sinh ngày 26/6/2000 hiện đang do chị nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ phải thu, phải trả chung của vợ chồng: Không có.

Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh T, được tiếp tục nuôi con tên Dương Hoàng P, sinh ngày 26/6/2000, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi. Ngoài

ra chị còn có yêu cầu được vắng mặt tại Pên Tòa do hoàn cảnh kinh tế khó khăn phải đi làm ăn xa.

Anh Dương Văn T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án nhưng vẫn không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh đến tham dự Pên tòa đến lần thứ hai nhưng anh vẫn vắng mặt, không rõ lí do.

Tại bản tự khai của cháu tên Dương Hoàng P, sinh ngày 26/6/2000 có nội dung thể hiện nguyện vọng của cháu là tiếp tục sống chung với mẹ là chị B sau khi cha mẹ ly hôn.

Theo đơn xin xác nhận về việc không đăng ký kết hôn ngày 08/3/2018 của chị Lê Thị B được UBND xã PX xác nhận là anh T với chị B không có đăng ký kết hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại Pên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại Pên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp: Chị B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh T nên quan hệ tranh chấp của vụ án là "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết: Anh T với tư cách là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại ấp PT, xã PX, huyện PT, tỉnh An Giang nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang.

Về thủ tục giải quyết: Vụ án có tình tiết đơn giản, quan hệ pháp luật rõ ràng, không phải thu thập thêm tài liệu chứng cứ và đương sự có địa chỉ nơi cư trú rõ ràng nên áp dụng thủ tục rút gọn theo quy định tại khoản 1 Điều 317 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại Pên tòa. Xét thấy, sự vắng mặt của anh không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của anh và không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị B có yêu cầu được xét xử vắng mặt tại Pên tòa nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt chị là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T với chị B được hai bên gia đình đồng ý tổ chức lễ cưới và trên cơ sở tự nguyện đã chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày

25/11/1997 đến nay, theo xác nhận của UBND xã PX, huyện PT thì hiện tại anh chị vẫn chưa đăng ký kết hôn. Xét thấy, anh, chị có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Hội đồng xét xử nghĩ nên áp dụng khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận anh T và chị B là vợ chồng.

Về con chung: Anh T, chị B có một đứa con chung tên Dương Hoàng P, sinh ngày 26/6/2000, hiện đang do chị B nuôi dưỡng. Xét thấy, từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay cháu P đã sống chung với chị B, dưới sự chăm sóc, giáo dục của chị, cháu P đang sinh sống ổn định và phát triển bình thường, chị B có đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu P nên yêu cầu của chị là phù hợp với nguyện vọng của cháu P và phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nghĩ nên tiếp tục giao cháu P cho chị B nuôi dưỡng. Anh T được quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị B không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

[3] Về án phí: Chị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 150.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0016583 ngày 27/02/2018 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện PT, tỉnh An Giang. Hoàn trả cho chị B số tiền tạm ứng án phí còn lại là 150.000 đồng, anh T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và khoản 1 Điều 317 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 14; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Khoản 2 Điều 6; Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận anh Dương Văn T và chị Lê Thị B là vợ chồng.

2/. Về con chung: Chị B được quyền tiếp tục nuôi dưỡng cháu Dương Hoàng P, sinh ngày 26/6/2000, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con, anh được quyền

đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được ngăn cấm. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết một hoặc hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con.

3/. Về án phí: Chị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 150.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0016583 ngày 27/02/2018 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện PT, tỉnh An Giang. Hoàn trả cho chị B số tiền tạm ứng án phí còn lại là 150.000 đồng, anh T không phải chịu án phí.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 7 ngày kể từ ngày tuyên án, do các đương sự vắng mặt tại Pên tòa nên được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Cơ quan Thi hành án huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PÊN TÒA

Lê Hữu Nghĩa